

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 134/2021/DS-ST
Ngày 30/9/2021
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tùng Mận.

2. Ông Lê Văn Tập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên
tòa:** Bà Đinh Thị Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 30/9/2021, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 725/2020/TLST-DS ngày 02/12/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐXXST-DS ngày 21/6/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Bùi Quốc S, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Quang L.

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt..

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh T.

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Theo giấy nhận nợ ngày 29/01/2018 ông Nguyễn Minh T có ký xác nhận nợ của ông Bùi Quốc S

với số tiền cụ thể: Ông T xác nhận đến ngày 17/01/2018 có nợ số tiền là: 1.287.000.000 đồng; Ông T có nợ tiền vật liệu xây dựng của ông S với tổng số tiền là 807.453.760 đồng; Ngày 29/01/2019 mượn thêm của ông S là 7.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc ông T còn nợ ông S là 2.101.453.760 đồng và hẹn đến ngày 09/02/2019 ông T trả đầy đủ số tiền nợ cho ông S, sau khi ký nhận nợ của ông S, ông T không trả nợ cho ông S được khoản nợ nào mặc dù đã được ông S yêu cầu trả nợ nhiều lần.

Nay, tôi yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông S toàn bộ số tiền nợ 2.101.453.760 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tôi xác nhận đây là khoản nợ riêng giữa ông Bùi Quốc S và ông Nguyễn Minh T, theo giấy nhận nợ ngày 29/01/2018 không liên quan gì đến gia đình, vợ con ông T.

*** Nguyên đơn ông Bùi Quốc S trình bày:** Theo giấy nhận nợ ngày 29/01/2018 ông Nguyễn Minh T có ký xác nhận nợ của tôi với số tiền cụ thể: Ông T xác nhận đến ngày 17/01/2018 có nợ tôi số tiền là: 1.287.000.000 đồng và nợ tiền vật liệu xây dựng của tôi với tổng số tiền là 807.453.760 đồng; Ngày 29/01/2019 mượn thêm của tôi là 7.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc ông T còn nợ tôi là 2.101.453.760 đồng và cam kết đến ngày 09/02/2019 trả toàn bộ số tiền nợ cho tôi. Sau khi ký nhận nợ của tôi ông T không trả nợ cho tôi được khoản nợ nào mặc dù đã được tôi yêu cầu trả nợ nhiều lần. Tôi xác nhận đây là khoản nợ riêng giữa tôi và ông Nguyễn Minh T, theo giấy nhận nợ ngày 29/01/2018 không liên quan gì đến gia đình, vợ con ông T.

Nay, tôi yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ 2.101.453.760 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:** Tôi xác nhận vào ngày 29/01/2018 tôi có ký xác nhận nợ của ông Bùi Quốc S với số tiền cụ thể:

- Tôi xác nhận đến ngày 17/01/2018 có nợ số tiền là: 1.287.000 đồng;
- Tôi có nợ tiền vật liệu xây dựng của ông S với tổng số tiền là 807.453.760 đồng.
- Ngày 29/01/2019 tôi mượn thêm của ông S số tiền 7.000.000 đồng

Tổng cộng số tiền nợ gốc tôi còn nợ ông S là 2.101.453.760 đồng và hẹn đến ngày 09/02/2019 tôi sẽ trả đầy đủ số tiền nợ cho ông S. Tuy nhiên, do hoàn cảnh tôi khó khăn và làm ăn thua lỗ nên không thể trả nợ được cho ông S theo giấy xác nhận nợ. Nay, ông S khởi kiện và yêu cầu tôi phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 2.101.453.760 đồng thì tôi đồng ý; Đối với số tiền lãi suất kể từ khi tôi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 09/02/2019 thì tôi không đồng ý, vì tôi có hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm ăn thua lỗ, nên không thể trả lãi suất cho ông S. Đối với việc vay nợ và ký nhận nợ thì không liên quan gì đến gia đình tôi và vợ tôi,

đây chỉ là khoản nợ riêng giữa tôi và ông S.

Tôi xác nhận chỉ đồng ý trả tiền gốc 2.101.453.760 đồng và không đồng ý trả tiền lãi suất chậm trả nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 207; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Quốc S, buộc ông Nguyễn Minh T phải trả cho ông Bùi Quốc S toàn bộ tổng số gốc là 2.101.453.760 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì vào ngày 29/01/2018 giữa ông Bùi Quốc S và ông Nguyễn Minh T có viết giấy xác nhận nợ với tổng số tiền là 2.101.453.760 đồng. Tuy nhiên đến hạn trả tiền ông T không thực hiện theo đúng cam kết của mình, mặc dù ông S đã đến yêu cầu ông T trả tiền nhiều lần. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn – ông Nguyễn Minh T có nơi cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy các đương sự đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên Tòa: Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nhưng, trước khi mở phiên tòa ông Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Bùi Quốc S, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Huỳnh Quang L và bị đơn ông Nguyễn Minh T.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời khai nhận của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định: Vào ngày 29/01/2018 giữa ông Bùi Quốc S và ông Nguyễn Minh T có viết giấy xác nhận nợ với tổng số tiền là 2.101.453.760 đồng và hẹn thời gian trả nợ là trước ngày 09/02/2019, tuy nhiên đến hạn trả tiền ông T không thực hiện theo đúng cam kết của mình, mặc dù ông S đã đến yêu cầu ông T trả tiền nhiều lần. Xét thấy giấy nhận nợ ngày 29/01/2018 giữa ông Bùi Quốc S và ông Nguyễn Minh T các bên ký nhận là sự tự nguyện và không ai ép buộc và quá trình làm việc tại Tòa án các bên đều xác nhận khoản nợ là 2.101.453.760 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có giao dịch dân sự vay mượn tiền giữa ông S và ông T xảy ra trên thực tế. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của ông Bùi Quốc S Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông S để buộc ông T phải trả toàn bộ số tiền đã mượn của ông S với số tiền là 2.101.453.760 đồng.

Đối với lãi suất chậm trả: Theo giấy nhận nợ các bên không thỏa thuận về phần lãi suất chậm trả, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo quy định của pháp luật và các bên có tranh chấp đối với phần lãi suất chậm trả nên cần áp dụng khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả tiền. Trong giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận thời gian trả nợ là vào ngày 09/02/2019, nên thời gian chậm trả được tính từ ngày 10/02/2019. Cụ thể: Từ ngày 10/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/9/2021 là: 2.101.453.760 đồng x 10%/năm x 02 năm 07 tháng 21 ngày = 555.134.030 đồng.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn ông Bùi Quốc S nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quốc S và buộc Nguyễn Minh T phải trả cho ông Bùi Quốc S tổng số tiền là 2.656.587.790

đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 2.101.453.760 đồng và tiền nợ lãi là 555.134.030 đồng.

[5]. Về án phí:

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn - ông Bùi Quốc S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông S được nhận lại số tiền 37.015.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0013453 ngày 01/12/2020 tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn - ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể: 72.000.000 đồng + $[(2.656.587.790 \text{ đồng} - 2.000.000.000) \times 2\%]$ = 85.131.800 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 207; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Quốc S.

Buộc ông Nguyễn Minh T phải trả cho ông Bùi Quốc S toàn bộ tổng số tiền 2.656.587.790 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 2.101.453.760 đồng và tiền nợ lãi là 555.134.030 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn - Ông Nguyễn Minh T phải chịu 85.131.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn - ông Bùi Quốc S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.015.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2019/0013453 ngày 01/12/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl